

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC DÒNG CHÍNH SÔNG ĐỒNG NAI, VÙNG ĐÔNG NAM BỘ
NĂM 2020

(Tuần từ ngày 25 tháng 06 năm 2020 đến ngày 1 tháng 7 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Biên Hòa	30,7	298,8	- 42,8	- 55,2	- 56,1	- 62,6	- 48,8	45,58
Bà Rịa	20,2	310,0	- 16,5	- 41,8	+ 5,2	- 26,8	- 0,9	48,49
Bù Đăng	85,0	526,6	- 32,3	- 34,1	- 56,5	- 46,1	- 11,3	76,87
Long Thành	47,2	500,4	- 1,2	- 20,3	+ 21,0	- 19,5	+ 3,9	53,09
Nhà Bè	18,6	214,9	- 52,3	- 48,9	- 67,7	- 62,3	- 38,7	39,11
Phước Hòa	35,1	428,9	- 25,0	+ 2,9	+ 0,5	- 35,3	+ 18,0	50,45
Tà Lài	241,5	907,1	+ 17,1	+ 51,4	+ 52,9	+ 4,8	+ 13,5	75,52
Trị An	95,6	328,8	- 41,1	- 59,5	- 35,0	- 35,8	- 7,4	62,51
Túc Trung	125,6	578,4	- 8,8	- 21,3	+ 66,8	- 19,0	+ 2,3	74,11
Vũng Tàu	68,9	242,8	- 42,4	+ 4,6	- 38,7	- 62,6	+ 12,8	60,08
Xuân Lộc	30,2	291,6	- 46,3	- 26,0	- 42,4	- 61,6	- 50,5	49,97
Xuyên Mộc	62,4	250,6	- 38,3	- 38,6	+ 5,3	- 50,8	- 29,1	59,31
Trung bình	71,7	406,6	-27,5	-22,7	-11,4	- 39,8	- 11,4	57,9

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực khoảng 406,6 mm, thấp hơn TBNN 27,5%, thấp hơn năm 2019 là 22,7%, thấp hơn 11,4% so với năm 2018, thấp hơn 39,8% so với năm 2017 và thấp hơn 11,4% so với năm 2016. Lượng mưa lớn nhất trong tuần tại trạm Tà Lài (241,5 mm) và lượng mưa nhỏ nhất trong tuần trạm Nhà Bè (18,6 mm). Một số trạm có mưa to đến rất to như: trạm Đắc Lua 4 mưa rất to với vũ lượng đến 153 mm ngày 20/6, Tà Lài mưa rất to 154 mm ngày 20/6, Túc Trung mưa to 73 mm ngày 20/06 (tỉnh Đồng Nai); trạm Vũng Tàu mưa to 54,5 mm ngày 19/6.

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 57,9 mm, có xu hướng xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Suối Vọng	4	0,50	12,50	- 24,3	- 21,5	- 24,9	- 37,5	<i>Giảm</i>	68,10
Hồ Gia Ui	10,8	1,34	12,41	- 66,5	- 53,1	- 57,4	- 72,3	<i>Giảm</i>	57,41
Hồ Núi Le	3,5	1,01	28,98	- 45,1	- 20,1	- 48,1	- 61,9	<i>Tăng</i>	89,21
Hồ Suối Đầm	1,2	0,86	71,63	+ 30,4	+ 0,2	+ 38,5	+ 27,8	<i>Tăng</i>	63,50
Hồ Suối Rang	2,6	1,61	62,04	+ 5,0	- 5,6	+ 42,6	- 31,3	<i>Tăng</i>	82,34
Hồ Giao Thông	0,50	0,19	38,12	- 4,9	+ 14,0	- 20,6	- 17,1	<i>Tăng</i>	62,20
Hồ Sông Mây	15	4,26	28,40	- 42,4	- 34,0	- 53,5	- 58,2	<i>Tăng</i>	76,78
Hồ Mo Nang	1,15	0,45	39,10	- 7,3	+ 40,9	+ 18,6	- 34,8	<i>Tăng</i>	54,92
Hồ Suối Đồi	1,2	0,49	41,21	- 28,5	- 47,0	- 32,7	- 31,4	<i>Tăng</i>	73,09
Hồ Cầu Mới tuyến V	9	3,25	36,06	- 18,8	- 7,8	- 6,3	- 56,7	<i>Tăng</i>	100,00
Hồ Cầu Mới tuyến VI	21	4,10	19,55	- 29,1	+ 10,8	- 29,0	- 53,5	<i>Tăng</i>	70,74
Hồ Suối Tre	0,64	0,44	68,75	- 14,1	- 1,5	- 28,0	- 30,9	<i>Tăng</i>	97,75
Hồ Đa Tôn	19,4	4,20	21,63	+ 9,2	+ 7,7	- 15,6	- 21,8	<i>Tăng</i>	63,80
Hồ Bà Long	1,2	0,84	70,31	+ 1,9	- 38,2	- 39,3	+ 35,0	<i>Tăng</i>	90,65
Hồ Thanh Niên	0,6	0,38	63,94	+ 7,0	- 4,7	- 0,9	- 2,9	<i>Tăng</i>	98,14
Hồ Sông Ray	215,36	22,21	10,31	- 63,9	+ 38,3	- 37,8	- 79,5	<i>Tăng</i>	37,25
Hồ Đá Đen	33,4	9,50	28,43	- 38,5	- 27,8	- 38,6	- 61,5	<i>Tăng</i>	67,40
Hồ Tầm Bó	5,85	1,17	20,02	- 9,5	+ 29,0	- 35,5	- 34,6	<i>Tăng</i>	67,18
Hồ Đá Bàn	11,35	1,28	11,28	- 32,9	- 19,7	- 64,5	+ 132,8	<i>Tăng</i>	61,11
Hồ Lô Ô	6	1,18	19,61	- 55,4	- 54,7	- 41,7	- 48,4	<i>Tăng</i>	87,22
Hồ Suối Giàu	12,2	0,92	7,52	- 69,6	- 32,2	- 65,6	- 82,8	<i>Tăng</i>	51,42
Trung bình/Tổng	375,95^(*)	60,19	16,01	- 21,4	- 10,2	- 24,0	- 27,4		51,05

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 375,95 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 24/06/2020 ở mức thấp so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 60,19 triệu m³ (đạt 16,01% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ các năm 2017-2019, thấp hơn TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 30% DTTK như: Hồ Sông Ray (10,31% DTTK), hồ Tầm Bó (20,02% DTTK), hồ Đá Bàn (11,28% DTTK), hồ Suối Giàu (7,52% DTTK), hồ Lô Ô (19,61% DTTK) thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hồ Suối Vọng (12,50% DTTK), hồ Gia Ui (12,41% DTTK), hồ Núi Le (28,98% DTTK), hồ Sông Mây (28,40% DTTK), hồ Cầu Mới Tuyến VI (19,55% DTTK) và hồ Đa Tôn (21,63% DTTK) thuộc tỉnh Đồng Nai.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 7 của vụ Hè Thu năm 2020 của 21 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) là **27,86** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2020				Nhu cầu nước tưới tháng 7 cho vụ Hè Thu năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Hè Thu năm 2020 (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		5.891,8	1.314,8	1.631,0	330,4	27,86
1	Hồ Suối Vọng			0		0,00
2	Hồ Gia Ui	186,85				0,19
3	Hồ Núi Le					0,12
4	Hồ Suối Đầm					0,00
5	Hồ Suối Rang			50		0,02
6	Hồ Giao Thông					0,00
7	Hồ Sông Mây	385,43	30,8		320,37	8,51
8	Hồ Mo Nang	36			4	0,05
9	Hồ Suối Đồi	9,55				0,02
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	39	550		3	2,84
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI					
12	Hồ Suối Tre					0,00
13	Hồ Đa Tôn	850	13		3	1,09
14	Hồ Bà Long	0				0,00
15	Hồ Thanh Niên	55	0			0,07
16	Hồ Sông Ray	1.978,00	521	878		4,31
17	Hồ Đá Đen			300		5,89
18	Hồ Tâm Bó	292	75	368	0	0,71
19	Hồ Đá Bàn	1.567,00	0	0	0	3,06
20	Hồ Lò Ô	106				0,19
21	Hồ Suối Giàu	387	125	35	0	0,78

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 7 năm 2019 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Suối Vọng	2,19
2	Hồ Gia Ui	2,97
3	Hồ Núi Le	2,56
4	Hồ Suối Đầm	1,84
5	Hồ Suối Rang	2,15
6	Hồ Giao Thông	0,15
7	Hồ Sông Mây	4,71
8	Hồ Mo Nang	0,20
9	Hồ Suối Đồi	0,38
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	5,01
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI	6,94
12	Hồ Suối Tre	1,11
13	Hồ Đa Tôn	7,27
14	Hồ Bà Long	0,27
15	Hồ Thanh Niên	0,09
16	Hồ Sông Ray	83,05
17	Hồ Đá Đen	14,44
18	Hồ Tâm Bó	1,74
19	Hồ Đá Bàn	2,26
20	Hồ Lò Ô	2,90
21	Hồ Suối Giàu	2,15

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 7 cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 25/06/2020 đến ngày 1/7/2020 như sau:

- **21/21 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Vọng, hồ Gia Ui, hồ Núi Le, hồ Suối Đầm, hồ Suối Rang, hồ Giao Thông, hồ Sông Mây, hồ Mo Nang, hồ Suối Đồi, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Suối Tre, hồ Đa Tôn, hồ Bà Long, hồ Thanh Niên, hồ Sông Ray, hồ Đá Đen, hồ Tầm Bó, hồ Đá Bàn, hồ Lò Ô, hồ Suối Giàu.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020 từ ngày 25/06/2020 đến 1/7/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Vọng	12,50	0	12,50	100	0	Đủ nước
Hồ Gia Ui	12,41	186,85	12,29	100	186,85	Đủ nước
Hồ Núi Le	28,98	0	30,88	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Đầm	71,63	0	72,75	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Rang	62,04	50	63,27	100	50	Đủ nước
Hồ Giao Thông	38,12	0	41,20	100	0	Đủ nước
Hồ Sông Mây	28,40	736,6	35,77	100	736,6	Đủ nước
Hồ Mo Nang	39,10	40	43,25	100	40	Đủ nước
Hồ Suối Đồi	41,21	9,55	42,06	100	9,55	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến V	36,06	592	38,50	100	592	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến VI	19,55		21,55	100		Đủ nước
Hồ Suối Tre	68,75	0	69,18	100	0	Đủ nước
Hồ Đa Tôn	21,63	866	24,49	100	866	Đủ nước
Hồ Bà Long	70,31	0	73,87	100	0	Đủ nước
Hồ Thanh Niên	63,94	55	65,98	100	55	Đủ nước
Hồ Sông Ray	10,31	3377	13,07	100	3377	Đủ nước
Hồ Đá Đen	28,43	300	30,56	100	300	Đủ nước
Hồ Tầm Bó	20,02	735	22,90	100	735	Đủ nước
Hồ Đá Bàn	11,28	1567	12,06	100	1567	Đủ nước
Hồ Lò Ô	19,61	106	19,98	100	106	Đủ nước
Hồ Suối Giàu	7,52	547	8,08	100	547	Đủ nước
Trung bình/Tổng	16,01	9.168,00^(*)	18,54	100	9.168,00^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tà Lài	Mã Đà, Phú Lý – Vĩnh Cừ	982,6	+ 170,4	+ 15	- 27	Rủi ro hạn thấp
	Phú Xuân – Tân Phú					
Túc Trưng	Xuân Thiện, Quang Trung – Thống Nhất	652,5	+ 63,8	- 7,8	- 40,5	Rủi ro hạn thấp
Trị An	Cây Gáo, Đồi 61 – Trảng Bom	391,3	+ 21,6	- 37,5	- 63,5	Rủi ro hạn thấp

Long Thành	Bình Sơn, Bình An, Bà Cạn – Long Thành	553,5	+ 70,5	- 3,7	- 40,9	Rủi ro hạn thấp
Trung bình		645,0	+ 81,6	- 8,5	- 43,0	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 8,5%, cao hơn 81,6% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Khu vực hiện tại đang trong mùa mưa, tuần qua tiếp tục phổ biến mưa vừa trên diện rộng nên khả năng xảy ra hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp. Tuy nhiên, khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, nạo vét, khơi thông dòng chảy sông, suối nhằm tận dụng triệt để nguồn nước mặt trữ vào ao, bầu. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán:

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
9.168	5.892	3.276					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 01/7/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 69,71 triệu m³ (chiếm 18,54% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 21/21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 01/7/2020 không thay đổi.

Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu 2020, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Các khu vực có công trình thủy lợi, cần tận dụng tối đa nguồn nước tự nhiên từ ao, hồ, sông suối, kênh rạch để cung cấp cho sản xuất vụ Hè Thu, tiết kiệm nguồn nước từ các hồ chứa thủy lợi để dành cung cấp cho vụ Mùa. **(2)** Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn, tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước; **(3)** Xây dựng phương án phòng, chống úng, ngập, đề phòng ngập úng cục bộ do mưa lớn, bảo đảm chủ động ứng phó, bảo vệ sản xuất sản xuất nông nghiệp đặc biệt đối với những diện tích mới gieo sạ. **(4)** Bố trí cơ cấu cây trồng vụ Hè Thu hợp lý để phát huy hiệu quả

của nguồn nước. (5) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 02/7/2020 (tuần sau)./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG